

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 03/02/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, TT. A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp P, TT. A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 23/6/2020, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng, bà có cho bà Nguyễn Thị Thanh T mượn số tiền 91.000.000 đồng để làm vốn làm ăn và giải quyết việc riêng, việc nhận tiền gồm 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 16/02/2020, số tiền 45.000.000 đồng, có làm biên nhận và bà T tự ký tên và ghi họ tên, thời gian mượn là 10 ngày.

- Lần 2: Vào ngày 19/02/2020, số tiền 46.000.000 đồng, có làm biên nhận và bà T tự ký tên và ghi họ tên, thời gian mượn là 10 ngày kể từ ngày ký biên nhận.

Về lãi suất tiền vay, trong các biên nhận không thể hiện lãi suất nhưng hai bên tự thỏa thuận miệng bên ngoài là 3,2%/tháng, khi nào trả vốn sẽ trả lãi luôn. Từ khi vay mượn số tiền nói trên, bà T chưa trả vốn cũng như tiền lãi cho bà L. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền vay nhưng bà T không thực hiện lời hứa, chỉ hẹn lần hẹn lựa, cuối cùng né tránh không trả tiền cho bà và bà không còn liên lạc được, kéo dài thời gian cho đến nay. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà số tiền 91.000.000 đồng (Chín mươi một triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến thời điểm xét xử.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Thanh T: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đến nhà để ghi lời khai nhưng bà T vắng mặt tại nhà nên không ghi được ý kiến của bà T.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Bản tự khai đề ngày 23/6/2020; Hai biên nhận (Bản photo đã đối chiếu bản chính); Chứng minh nhân dân (Bản photo); Sổ hộ khẩu (Bản photo); Đơn xin miễn tạm ứng án phí; Phiếu gửi bưu điện cho bị đơn; Bản tự khai ngày 23/12/2020.

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Không

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Phiếu xác minh tình trạng cư trú của bà T ngày 23/11/2020; Biên bản không lấy được lời khai của bà T ngày 23/11/2020;

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu bà T thanh toán cho bà số tiền vốn vay còn nợ của 02 khoản vay là 91.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi: Bà không yêu cầu bà T trả lãi cho bà theo quy định pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng

dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi; Đối với yêu cầu của bà L về việc bà T phải trả cho bà số tiền 91.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 91.000.000 đồng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền còn nợ là số tiền 91.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Bà T có nơi cư trú tại ấp P, TT. A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà T vắng mặt, xét thấy bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà T đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ nội dung của 02 Biên nhận mượn tiền ngày 16/2/2020, số tiền mượn 45.000.000 đồng; Biên nhận mượn tiền ngày 19/2/2020, số tiền mượn 46.000.000 đồng, thể hiện có chữ ký và chữ viết họ tên

của bà Nguyễn Thị Thanh T ở phần người nhận tiền. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền vay của 2 lần là 91.000.000 đồng. Xét hình thức và nội dung của các Biên nhận vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo thỏa thuận bà T có nghĩa trả lại cho bà L số tiền vay sau 10 ngày kể từ ngày làm biên nhận nhưng bà đã không thực hiện, việc vi phạm nghĩa vụ của bà T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, việc bà L yêu cầu bà T phải trả một lần số tiền vốn vay 91.000.000 đồng còn nợ là có cơ sở, căn cứ Điều 463, Điều 466, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 91.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong Đơn khởi kiện ngày và trong quá trình hòa giải bà L yêu cầu bà T phải trả lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi chậm trả. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà L và bà T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 91.000.000 (Chín mươi một triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thanh T về yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 4.550.000 (Bốn triệu, năm trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

4. Quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/02/2021).

- Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Châu Thành;
- THA Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh